

Mẫu số 01

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

(Kèm theo báo cáo số: /BC-UBND ngày /4 /2023 của UBND tỉnh Lai Châu)

D: Số dư của khoản mục, P: Số phát sinh trong kỳ báo cáo

(Đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi			0	0
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		D (đồng)	0	0
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P (đồng)	0	0
2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước		P (đồng)	0	0
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)	0	0
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		D (đồng)	0	0
3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài		D (đồng)	0	0
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)	0	0
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		D (đồng)	0	0
4. Vay và nợ dài hạn trong nước		D (đồng)	0	0
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D (đồng)	0	0
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)	0	0
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)	0	0
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D (đồng)	0	0
5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài		D (đồng)	0	0
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D (đồng)	0	0
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D (đồng)	0	0
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D (đồng)	0	0
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)	0	0
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D (đồng)	0	0
6. Vốn điều lệ	411	D (đồng)	25,676,102,884	25,676,102,884
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN kỳ trước chuyển sang			2,977,565,264	1,833,926,988
8. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)	4,835,587,960	6,712,111,238
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	314	P (đồng)	4,835,587,960	6,712,111,238
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P (đồng)		
c) Lợi nhuận/cổ tức phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)		
9. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN		P (đồng)	5,948,413,068	5,568,472,962
- Trong đó: Lợi nhuận/cổ tức đã nộp NSNN		P (đồng)	1,147,463,038	200,000,000
10. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển kỳ sau		D (đồng)	1,864,740,156	2,977,565,264

Mẫu số 01

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

(Kèm theo báo cáo số: /BC-UBND ngày / 4 /2023 của UBND tỉnh Lai Châu)

D: Số dư của khoản mục, P: Số phát sinh trong kỳ báo cáo

(Đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi			550,287,319	651,287,319
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		D (đồng)	550,287,319	651,287,319
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P (đồng)	-	-
2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước		P (đồng)	2,373,094,567	2,402,010,548
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)	-	-
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		D (đồng)	2,373,094,567	2,402,010,548
3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài		D (đồng)	-	-
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)	-	-
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		D (đồng)	-	-
4. Vay và nợ dài hạn trong nước		D (đồng)	-	-
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D (đồng)	-	-
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)	-	-
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)	-	-
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D (đồng)	-	-
5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài		D (đồng)	-	-
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D (đồng)	-	-
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D (đồng)	-	-
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D (đồng)	-	-
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)	-	-
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D (đồng)	-	-
6. Vốn điều lệ	411	D (đồng)	38,715,948,126	38,715,948,126
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN kỳ trước chuyển sang			323,417,523	343,261,221
8. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)	54,411,844	118,440,355
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	314	P (đồng)	54,411,844	118,440,355
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P (đồng)	-	-
c) Lợi nhuận/cổ tức phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)	-	-
9. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN		P (đồng)	67,820,828	138,284,053
- Trong đó: Lợi nhuận/cổ tức đã nộp NSNN		P (đồng)	-	-
10. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển kỳ sau		D (đồng)	310,008,539	323,417,523

Mẫu số 01

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

(Kèm theo báo cáo số: /BC-UBND ngày / 4 /2023 của UBND tỉnh Lai Châu)

D: Số dư của khoản mục, P: Số phát sinh trong kỳ báo cáo

(Đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi			169,742,160	169,742,160
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		D (đồng)	0	0
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P (đồng)	0	0
2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước		P (đồng)	0	0
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)	0	0
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		D (đồng)	0	0
3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài		D (đồng)	0	0
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)	0	0
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		D (đồng)	0	0
4. Vay và nợ dài hạn trong nước		D (đồng)	0	0
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D (đồng)	0	0
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)	0	0
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)	0	0
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D (đồng)	0	0
5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài		D (đồng)	0	0
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D (đồng)	0	0
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D (đồng)	0	0
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D (đồng)	0	0
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)	0	0
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D (đồng)	0	0
6. Vốn điều lệ	411	D (đồng)	748,472,562,000	748,472,562,000
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN kỳ trước chuyển sang			-10,161,757	-12,356,965
8. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)		
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	314	P (đồng)	4,218,631	3,562,564
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P (đồng)		0
c) Lợi nhuận/cổ tức phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)		0
9. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN		P (đồng)	6,540,291	1,367,356
- Trong đó: Lợi nhuận/cổ tức đã nộp NSNN		P (đồng)	0	0
10. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển kỳ sau		D (đồng)	-12,483,417	-10,161,757